LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 203/QĐ -HĐLSTQ

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật

HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC

Căn cứ Luật Luật sư;

Căn cứ Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng luật sư toàn quốc, Ban Thường vụ Liên đoàn, các cơ quan giúp việc và đơn vị trực thuộc của Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-HĐLSTQ ngày 04/02/2016 của Hội đồng Luật sư toàn quốc;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐLSTQ ngày 22/12/2018 của Hội đồng Luật sư toàn quốc;

Xét đề nghị của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật gồm 04 phần, 10 chương, 58 điều.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 93/QĐ-HĐLSTQ ngày 24/05/2010 của Hội đồng Luật sư toàn quốc về việc ban hành Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Quyết định số 68/QĐ-BTVLĐLSVN ngày 05/10/2012 của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc ban hành Quy định về xử lý kỷ luật luật sư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020.

Điều 4. Các ủy viên Hội đồng Luật sư toàn quốc, Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn, Chủ nhiệm các Ủy ban, Trưởng các cơ quan giúp việc và đơn vị trực thuộc Liên đoàn, Ban Chủ nhiệm và Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật các Đoàn Luật sư, luật sư thành viên, người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC
CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC

LS. TS. Đỗ Ngọc Thịnh

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thứ trưởng BTP – Phan Chí Hiếu (để b/c);
- Cục Bổ trợ Tư pháp – BTP;
- Lưu: VP.

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ KỶ LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..203../QĐ-HĐLSTQ ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Luật sư toàn quốc)

PHẦN THỨ NHẤT
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH; NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT, XỬ LÝ; CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định phạm vi, nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục, cách thức giải quyết, xử lý đối với: Khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật luật sư, người tập sự hành nghề luật sư tại các Đoàn Luật sư; khiếu nại, tố cáo, khiếu nại quyết định kỷ luật tại Liên đoàn Luật sư Việt Nam (sau đây gọi tắt là Liên đoàn).

2. Đối tượng áp dụng của Quy chế là các luật sư thành viên, luật sư giữ các chức danh được bầu hoặc bổ nhiệm của Đoàn Luật sư, của Liên đoàn, người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan, đơn vị của Đoàn Luật sư, Liên đoàn và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kỷ luật, khiếu nại quyết định kỷ luật quy định trong Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khiếu nại* là việc cá nhân, tổ chức đề nghị Đoàn Luật sư, Liên đoàn xem xét giải quyết đối với: hành vi của luật sư (bao gồm cả các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn), người tập sự hành nghề luật sư, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm), các cơ quan của Liên đoàn, Chủ tịch Liên đoàn; Quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn, Chủ tịch Liên đoàn vì cho rằng hành vi, quyết định đó là trái pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. *Tố cáo* là việc cá nhân báo cho Đoàn Luật sư, Liên đoàn biết là luật sư (bao

gồm cả các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn), người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn khi hành nghề hoặc thực hiện nhiệm vụ do Đoàn Luật sư, Liên đoàn giao đã có hành vi vi phạm pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, vi phạm quy định nội bộ khác của Đoàn Luật sư, Liên đoàn, gây thiệt hại đến lợi ích của Đoàn Luật sư, Liên đoàn và quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo.

3. *Cơ quan xử lý:* được hiểu là các cơ quan tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật theo Quy chế này, bao gồm: Ban Chủ nhiệm, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, Thường trực Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn.

4. *Người xử lý:* là những người phụ trách các công việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật theo Quy chế này, bao gồm: Chủ tịch Liên đoàn, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật và những người được phân công, ủy quyền phụ trách công việc xử lý.

5. *Người bị khiếu nại*: là luật sư (bao gồm cả các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn), người tập sự hành nghề luật sư, Ban Chủ nhiệm, các cơ quan của Liên đoàn.

6. *Người bị tố cáo:* là luật sư (bao gồm cả các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn), người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn.

7. *Người bị xem xét kỷ luật:* là luật sư, người tập sự hành nghề luật sư đã bị Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật và yêu cầu tiến hành xem xét trách nhiệm theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật.

8. *Người bị kỷ luật:* là luật sư, người tập sự hành nghề luật sư đã bị Ban Chủ nhiệm quyết định xử lý kỷ luật bằng các hình thức kỷ luật.

9. *Đương sự:* là cá nhân, tổ chức có khiếu nại, cá nhân có tố cáo đề nghị Đoàn Luật sư, Liên đoàn giải quyết.

10. *Vi phạm kỷ luật:* là vi phạm các quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, các quy định nội bộ của Liên đoàn, Nội quy Đoàn Luật sư đến mức phải chịu trách nhiệm kỷ luật.

11. *Vụ việc kỷ luật:* là toàn bộ công việc thụ lý, xác minh, nghiên cứu, đánh

giá, kết luận, đề xuất xử lý, quyết định hình thức kỷ luật của người xử lý.

12. *Vụ việc khiếu nại:* là toàn bộ công việc của Đoàn Luật sư, Liên đoàn trong việc thụ lý, xác minh, nghiên cứu, đánh giá, kết luận, đề xuất giải quyết, ra quyết định giải quyết khiếu nại.

13. *Vụ việc tố cáo:* là toàn bộ công việc của Đoàn Luật sư, Liên đoàn trong việc thụ lý, xác minh, nghiên cứu, đánh giá, kết luận, đề xuất giải quyết, ra văn bản giải quyết tố cáo.

14. *Đơn thư:* được hiểu là văn bản có nội dung khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức gửi đến Đoàn Luật sư, Liên đoàn để đề nghị giải quyết, xử lý đối với luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan của Đoàn Luật sư, Liên đoàn, các chức danh của Đoàn Luật sư, Liên đoàn.

15. *Khiếu nại quyết định kỷ luật:* là việc luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, đương sự không đồng ý với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm và có đơn khiếu nại đến Ban Thường vụ Liên đoàn.

16. *Vụ việc khiếu nại quyết định kỷ luật:* là toàn bộ công việc của Liên đoàn trong việc thụ lý, xác minh, nghiên cứu, đánh giá, kết luận, đề xuất giải quyết, ra quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật.

Điều 3. Nguyên tắc chung về giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật

Mọi khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật theo Quy chế này phải được xem xét, giải quyết theo các nguyên tắc:

1. Khách quan, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Quy chế này.

2. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý bằng một hình thức kỷ luật. Trong trường hợp có nhiều hành vi vi phạm thì xem xét đánh giá hình thức xử lý đối với từng hành vi và khi quyết định mức kỷ luật chung có thể áp dụng hình thức kỷ luật bằng hoặc cao hơn một mức so với hành vi vi phạm nặng nhất.

3. Cơ quan xử lý chỉ xem xét, áp dụng hình thức kỷ luật đối với hành vi vi phạm còn thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật.

4. Khuyến khích người bị khiếu nại, tố cáo, xem xét kỷ luật hòa giải, khắc phục hậu quả đối với đương sự.

5. Khi xử lý kỷ luật phải xem xét đến tính chất, mức độ, nguyên nhân, điều kiện vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm kỷ luật để quyết định hình thức kỷ luật phù hợp.

6. Khi tiến hành xử lý kỷ luật phải tôn trọng danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị khiếu nại, tố cáo, xem xét kỷ luật.

7. Người bị khiếu nại, tố cáo, xem xét kỷ luật phải chấp hành các yêu cầu của cơ quan xử lý, người xử lý.

8. Không xem xét, giải quyết đối với trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền, hành vi vi phạm đã hết thời hiệu, các đơn thư nặc danh, mạo danh.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan xử lý, người xử lý trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật

1. Trong quá trình thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, cơ quan xử lý, người xử lý phải có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Giải quyết công việc khách quan, công tâm, chính xác và kịp thời;

c) Chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết, xử lý theo nhiệm vụ được giao;

d) Bảo mật thông tin và hồ sơ xử lý khiếu nại, tố cáo, kỷ luật.

2. Chủ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật Đoàn Luật sư, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, Chủ tịch Liên đoàn thực hiện các nhiệm vụ theo phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Quy chế này hoặc ủy quyền cho cấp phó phụ trách thực hiện nhiệm vụ.

3. Thường trực Liên đoàn có thể phân công một Phó Chủ tịch Liên đoàn phụ trách, theo dõi, giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý luật sư theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm của người bị khiếu nại, người bị tố cáo, người bị xem xét kỷ luật, người bị kỷ luật

1. Người bị khiếu nại, người bị tố cáo, người bị xem xét kỷ luật, người bị kỷ luật theo Quy chế này phải có trách nhiệm:

a) Chấp hành các yêu cầu của cơ quan xử lý, người xử lý;

b) Cung cấp chứng cứ chứng minh là mình không vi phạm, vi phạm ở mức độ nhẹ hơn hoặc các chứng cứ về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật;

c) Đưa ra các kiến nghị, phản biện để bảo vệ quyền lợi của mình;

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Quy chế này.

2. Người bị khiếu nại, người bị tố cáo, người bị xem xét kỷ luật, người bị kỷ luật không được ủy quyền cho người khác hoặc luật sư khác đại diện làm việc với

cơ quan xử lý, người xử lý.

Chương II
THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM TIẾP NHẬN, THỤ LÝ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ KỶ LUẬT TẠI ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật của Đoàn Luật sư

1. Đoàn Luật sư có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận, thụ lý, giải quyết các loại việc khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm sau đây:

a) Khiếu nại đối với luật sư thành viên, người tập sự hành nghề luật sư;

b) Khiếu nại đối với thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, cá nhân đảm nhiệm chức danh khác của Đoàn Luật sư;

c) Tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam đối với luật sư thành viên, người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan của Đoàn mình khi hành nghề hoặc khi thực hiện nhiệm vụ do Đoàn Luật sư phân công;

d) Xử lý kỷ luật đối với luật sư, người tập sự hành nghề luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm là cơ quan giải quyết các loại việc khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Đoàn Luật sư.

3. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

a) Xác minh, xem xét và đề nghị Ban Chủ nhiệm quyết định các hình thức kỷ luật đối với luật sư;

b) Thụ lý, xác minh, xem xét đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với luật sư, các cơ quan, đơn vị của Đoàn Luật sư và đề xuất với Ban Chủ nhiệm về việc giải quyết các đơn, thư đó;

c) Hòa giải các tranh chấp dịch vụ pháp lý giữa luật sư với người khiếu nại, tố cáo hoặc các tranh chấp khác trong trường hợp Đoàn Luật sư không thành lập bộ phận hòa giải;

d) Các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khác được quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, thông tin vi phạm

1. Văn phòng Đoàn Luật sư có trách nhiệm tiếp nhận, vào sổ công văn đơn thư do cá nhân, cơ quan, tổ chức gửi đến Đoàn Luật sư.

2. Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức trực tiếp đến Đoàn Luật sư để phản ánh, kiến nghị xử lý vi phạm đối với luật sư thì Văn phòng Đoàn Luật sư có trách nhiệm ghi nhận lại bằng văn bản các thông tin về người phản ánh, kiến nghị và nội dung phản ánh kiến nghị.

3. Trường hợp qua thông tin phản ánh trên kênh báo chí, đài truyền hình của Đảng, Nhà nước về sự việc luật sư vi phạm thì Văn phòng Đoàn Luật sư ghi nhận lại thông tin vụ việc và xác định rõ nguồn thông tin để chuyển cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc thông tin về vi phạm và hồ sơ, tài liệu gửi kèm phải được chuyển cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật.

5. Đối với Đoàn Luật sư có thành lập bộ phận hòa giải để hòa giải tranh chấp giữa luật sư với khách hàng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, đơn thư và hồ sơ, tài liệu gửi kèm có thể được chuyển cho bộ phận hòa giải để tiến hành hòa giải. Trình tự, cách thức hòa giải do Đoàn Luật sư quy định.

Sau khi hòa giải, bộ phận hòa giải báo cáo kết quả hòa giải bằng văn bản và gửi kèm hồ sơ, tài liệu vụ việc cho Ban Chủ nhiệm.

Điều 8. Phân loại vụ việc theo nội dung đơn thư, thông tin

1. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật sau khi tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo hoặc các thông tin về vi phạm phải tiến hành ngay việc nghiên cứu, phân loại đơn thư, thông tin về vi phạm.

2. Trên cơ sở phân loại vụ việc, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật xác định:

a) Loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư và đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết;

b) Loại việc thuộc thẩm quyền của Đoàn Luật sư nhưng không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết;

c) Loại việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư.

Điều 9. Xử lý đơn thư, thông tin vi phạm và thụ lý vụ việc theo thẩm quyền Đoàn Luật sư

Việc xử lý đơn thư, thông tin vi phạm được Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật thực hiện như sau:

1. Đối với loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư, có đủ điều kiện thụ lý thì Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật quyết định thụ lý giải quyết trong thời

hạn 10 ngày kể từ ngày nhận vụ việc. Việc thụ lý, giải quyết được thực hiện theo quy định tại Chương IV, Phần thứ hai Quy chế này.

2. Đối với loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư, có đủ điều kiện thụ lý mà qua xem xét đơn thư và hồ sơ tài liệu kèm theo, đủ cơ sở xác định ngay là luật sư, người tập sự hành nghề luật sư có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật báo cáo, đề xuất Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra văn bản thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật. Trường hợp Chủ nhiệm Đoàn Luật sư đồng ý với báo cáo, đề xuất thì ra văn bản thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật và chuyển vụ việc kỷ luật cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật xử lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương V hoặc Chương VI, Phần thứ hai Quy chế này.

3. Đối với loại việc thuộc thẩm quyền của Đoàn Luật sư nhưng không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết; loại việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận vụ việc, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có văn bản báo cáo sự việc cho Chủ nhiệm Đoàn Luật sư. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận báo cáo, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có văn bản trả lời cho người khiếu nại, tố cáo biết về việc khiếu nại, tố cáo không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư. Việc trả lời chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật giúp Chủ nhiệm Đoàn Luật sư soạn thảo văn bản trả lời cho người khiếu nại, tố cáo.

4. Đoàn Luật sư không xem xét, giải quyết và không trả lời đối với các loại đơn thư, thông tin sau đây:

a) Đơn thư nặc danh, mạo danh, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp; đơn thư của cá nhân ủy quyền cho người khác ký tên; đơn thư của pháp nhân nhưng người ký đơn không đủ thẩm quyền đại diện cho pháp nhân hoặc đơn thư đã được cấp có thẩm quyền giải quyết xong;

b) Thông tin phản ánh qua điện thoại, email, mạng xã hội hoặc các thông tin không thuộc phương tiện truyền thông chính thức của Đảng, Nhà nước;

c) Các khiếu nại, tố cáo của đương sự, người bị khiếu nại, người bị tố cáo, người bị xem xét kỷ luật, người bị kỷ luật mà nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhiệm vụ của người làm công tác xử lý;

d) Đơn thư của các cá nhân, tổ chức có nội dung khiếu nại, tố cáo không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM TIẾP NHẬN, THỤ LÝ GIẢI QUYẾT

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo, khiếu nại quyết định kỷ luật của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có trách nhiệm thụ lý, giải quyết các loại việc khiếu nại, tố cáo, khiếu nại quyết định kỷ luật sau đây:

a) Khiếu nại của cá nhân, tổ chức đối với quyết định, hành vi của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn, Chủ tịch Liên đoàn;

b) Khiếu nại của luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, đương sự đối với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm;

c) Tố cáo của cá nhân về hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam của Ban Chủ nhiệm, các cơ quan của Liên đoàn và đối với các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Liên đoàn về những hành vi liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh đó.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn là cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, khiếu nại quyết định kỷ luật thuộc trách nhiệm giải quyết của Liên đoàn theo quy định tại Phần thứ ba Quy chế này.

3. Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật giúp Ban Thường vụ thực hiện công việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Phần thứ ba Quy chế này.

Điều 11. Thời hạn khiếu nại đến Liên đoàn Luật sư Việt Nam

1. Thời hạn khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm là 15 ngày, kể từ ngày người bị kỷ luật, đương sự nhận được quyết định kỷ luật hoặc từ ngày được xem là nhận được quyết định kỷ luật.

2. Trường hợp người bị kỷ luật vì lý do phải điều trị tại cơ sở khám, chữa bệnh mà không thực hiện được quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật đúng thời hạn thì thời gian điều trị không tính vào thời hạn khiếu nại.

3. Trường hợp luật sư vì lý do có ông bà nội, ông bà ngoại, cha, mẹ ruột, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, cha mẹ nuôi, vợ, chồng, con ruột, con nuôi, anh chị em ruột, cháu nội, cháu ngoại của mình chết trong thời hạn khiếu nại thì thời hạn khiếu nại được cộng thêm 10 ngày. Người khiếu nại có nghĩa vụ chứng minh các sự kiện nêu trên nếu khiếu nại vượt quá thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Thời hạn khiếu nại đối với các quyết định khác hoặc đối với hành vi của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn là 15 ngày kể

từ ngày người khiếu nại nhận được quyết định hoặc biết được nội dung quyết định, hành vi.

Điều 12. Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh vi phạm tại Liên đoàn Luật sư Việt Nam

1. Văn phòng Liên đoàn tiếp nhận, vào sổ công văn đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh vi phạm bằng văn bản gửi đến Liên đoàn.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Văn phòng Liên đoàn chuyển đơn đến Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật để nghiên cứu, phân loại, xử lý.

2. Trường hợp đơn thư được gửi đích danh cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Liên đoàn thì người nhận chuyển ngay cho Văn phòng Liên đoàn tiếp nhận, vào sổ công văn và chuyển cho Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo được gửi trực tiếp cho Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật hoặc các Ủy ban khác của Liên đoàn thì các Ủy ban chuyển cho Văn phòng Liên đoàn tiếp nhận, vào sổ công văn và chuyển cho Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nhận được thông tin phản ánh trên báo chí, đài truyền hình của Đảng, Nhà nước về sự việc luật sư vi phạm thì Văn phòng Liên đoàn ghi nhận lại thông tin vụ việc và xác định rõ nguồn thông tin để phân tích, phân loại, xử lý thông tin.

Điều 13. Phân loại đơn thư, thụ lý vụ việc tại Liên đoàn Luật sư Việt Nam

1. Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật sau khi tiếp nhận đơn thư, thông tin vi phạm phải phân loại để xác định:

a) Loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn và đủ điều kiện thụ lý, giải quyết;

b) Loại việc thuộc thẩm quyền của Liên đoàn nhưng không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết;

c) Loại việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn.

2. Các đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn, có đủ điều kiện thụ lý thì Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật trình Thường trực Liên đoàn quyết định việc thụ lý, ghi vào sổ thụ lý đơn thư để theo dõi.

Điều 14. Xử lý đơn thư, thông tin vi phạm tại Liên đoàn Luật sư Việt

Nam

Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật có trách nhiệm xử lý đơn thư, thông tin vi phạm như sau:

1. Đối với đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn và có đủ điều kiện thụ lý thì Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật trình Thường trực Liên đoàn quyết định việc thụ lý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhận đơn thư. Đồng thời, vụ việc được các cơ quan của Liên đoàn tiến hành giải quyết như sau:

a) Trường hợp khiếu nại, tố cáo mà không phải đối với quyết định kỷ luật luật sư của Đoàn Luật sư thì vụ việc giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương VII, Phần thứ ba của Quy chế này;

b) Trường hợp khiếu nại của người bị kỷ luật hoặc đương sự đối với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm thì vụ việc được thụ lý và giải quyết theo các quy định tại Chương VIII, Phần thứ ba của Quy chế này.

2. Đối với đơn thư có nội dung thuộc thẩm quyền của Liên đoàn nhưng không gửi đến Liên đoàn đúng thời hạn khiếu nại quy định tại Điều 10 Quy chế này thì Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật tham mưu cho Thường trực Liên đoàn trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại, tố cáo biết là Liên đoàn không giải quyết do không đủ điều kiện thụ lý giải quyết.

3. Đối với các đơn thư không thuộc thẩm quyền của Liên đoàn nhưng có nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về vi phạm kỷ luật thuộc thẩm quyền của Đoàn Luật sư địa phương thì Thường trực Liên đoàn có văn bản chuyển cho Đoàn Luật sư địa phương đó giải quyết.

4. Đối với đơn thư khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn thì Liên đoàn không thụ lý. Trường hợp này Thường trực Liên đoàn trả lời bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức gửi đơn thư biết là vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Liên đoàn. Việc trả lời chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc.

5. Liên đoàn không xem xét, giải quyết và không trả lời đối với các loại đơn thư, thông tin sau đây:

a) Các loại đơn thư, thông tin quy định tại Khoản 4 Điều 9 Quy chế này;

b) Đơn khiếu nại quyết định kỷ luật nhưng người ký đơn khiếu nại không phải là người bị kỷ luật hoặc đương sự ký đơn không phải là người trực tiếp bị thiệt hại do hành vi vi phạm của người bị kỷ luật gây ra;

c) Đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo về công việc quản lý, điều hành nội bộ của các thành viên Ban Chủ nhiệm mà loại công việc đó thuộc thẩm quyền xem

xét, quyết định thông qua của Ban Chủ nhiệm hoặc của Đại hội luật sư, Hội nghị luật sư hàng năm.

PHẦN THỨ HAI
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO; XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ, NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ TẠI ĐOÀN LUẬT SƯ

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TẠI ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 15. Xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ việc khiếu nại, tố cáo, Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phân công một hoặc một số luật sư phụ trách nghiên cứu, xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo hoặc thông tin phản ánh. Người được phân công phải thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật. Trường hợp phân công nhiều luật sư cùng phụ trách một vụ việc thì phải xác định một luật sư phụ trách chính.

2. Luật sư được phân công phải có trách nhiệm xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo Quy chế này, thực hiện nghiên cứu, đánh giá, kết luận khách quan, chính xác đối với từng nội dung khiếu nại, tố cáo hoặc thông tin phản ánh về vi phạm. Luật sư phụ trách việc khiếu nại, tố cáo có quyền yêu cầu người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, tố cáo tường trình bằng văn bản về nội dung sự việc hoặc đến trụ sở Đoàn Luật sư để trực tiếp trả lời, giải trình nội dung sự việc có liên quan đến khiếu nại, tố cáo.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được phân công, luật sư được phân công phụ trách hoặc luật sư phụ trách chính trong trường hợp phân công nhiều luật sư phụ trách một vụ việc phải có nhiệm vụ:

a) Báo cáo kết quả xác minh, đề xuất hướng giải quyết đối với việc khiếu nại, tố cáo trình Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật xem xét;

b) Giúp Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật dự thảo văn bản báo cáo kết quả xác minh, đề xuất giải quyết khiếu nại, tố cáo gửi Ban Chủ nhiệm;

c) Dự thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Ban Chủ nhiệm.

4. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được luật sư phụ trách báo cáo kết quả xác minh, Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải gửi Ban Chủ nhiệm văn bản

báo cáo, đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo.

5. Người bị khiếu nại, tố cáo phải có trách nhiệm tường trình bằng văn bản hoặc có mặt để giải trình trực tiếp theo yêu cầu của luật sư phụ trách. Người bị khiếu nại, tố cáo không được ủy quyền cho người khác hoặc luật sư khác đại diện cho mình làm việc với người xử lý vụ việc.

Điều 16. Cuộc họp giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ban Chủ nhiệm

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm phải họp để ra văn bản giải quyết việc khiếu nại, tố cáo. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có thể quyết định gia hạn thời gian họp trong trường hợp xét thấy cần thiết phải có thêm thời gian nghiên cứu, đánh giá nội dung khiếu nại, tố cáo.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp của Ban Chủ nhiệm, cách thức tiến hành cuộc họp, biểu quyết tại cuộc họp được thực hiện theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Nội quy và các quy định khác của Đoàn Luật sư.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ban Chủ nhiệm có thể mời đại diện Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật; người bị khiếu nại, tố cáo; đại diện tổ chức hành nghề luật sư của người bị khiếu nại, tố cáo hoặc cá nhân khác tham dự cuộc họp để trình bày ý kiến phục vụ cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Tại cuộc họp, trên cơ sở kết quả báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật và các tài liệu vụ việc, các thành viên Ban Chủ nhiệm xem xét toàn bộ sự việc, đánh giá, kết luận về nội dung khiếu nại, tố cáo, phản ánh vi phạm, đồng thời, Ban Chủ nhiệm ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Ban Chủ nhiệm có thẩm quyền kết luận, giải quyết sự việc như sau:

a) Xác định nội dung khiếu nại, tố cáo, phản ánh là có căn cứ, đồng thời nêu rõ hướng xử lý, giải quyết tiếp theo của Đoàn Luật sư;

b) Xác định nội dung khiếu nại, tố cáo là không có căn cứ toàn bộ hoặc từng phần;

c) Xác định nội dung khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư;

d) Chuyển vụ việc cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật thụ lý giải quyết theo trình tự xử lý kỷ luật trong trường hợp trên cơ sở đơn khiếu nại, đơn thư tố cáo đã xác định được luật sư, người tập sự hành nghề luật sư có dấu hiệu vi phạm kỷ luật. Trong trường hợp này, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra văn bản thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật;

đ) Chuyển vụ việc để giải quyết theo trình tự xử lý vi phạm đối với các cá nhân được bầu hoặc bổ nhiệm theo quy định của Liên đoàn.

6. Ban Chủ nhiệm có thể phân công Chủ nhiệm hoặc một Phó Chủ nhiệm được thay mặt Ban Chủ nhiệm phụ trách công việc giải quyết việc khiếu nại, tố cáo. Trong trường hợp này, Ban Chủ nhiệm không phải tiến hành họp. Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm phụ trách khiếu nại, tố cáo trực tiếp làm việc với những người quy định tại Khoản 3 Điều này, đồng thời có thẩm quyền kết luận, giải quyết vụ việc theo Khoản 5 Điều này và báo cáo kết quả giải quyết cho Ban Chủ nhiệm trong phiên họp gần nhất.

Điều 17. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp quy định tại Điều 16 Quy chế này, Ban Chủ nhiệm hoặc Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm được phân công phụ trách theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Quy chế này phải ban hành văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo nêu rõ nội dung kết luận, giải quyết đối với các vấn đề khiếu nại, tố cáo.

3. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo được gửi cho cá nhân, tổ chức khiếu nại, cá nhân tố cáo và người bị khiếu nại, tố cáo.

4. Trường hợp đơn thư do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển đến thì tuỳ từng trường hợp, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có thể thông báo kết quả giải quyết việc khiếu nại, tố cáo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đó biết.

Điều 18. Thời hạn giải quyết việc khiếu nại, tố cáo tại Đoàn Luật sư

Thời hạn giải quyết việc khiếu nại, tố cáo tại Đoàn Luật sư phải theo các thời hạn cụ thể quy định tại Quy chế này nhưng không quá 04 tháng tính từ ngày thụ lý đến ngày ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo; đối với vụ việc phức tạp không quá 06 tháng.

Chương V
XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ

Mục 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ

Điều 19. Căn cứ để xử lý kỷ luật đối với luật sư

Luật sư có hành vi vi phạm pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, Nội quy Đoàn Luật sư và các quy định khác của Liên đoàn thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của

Quy chế này.

Điều 20. Những trường hợp tạm hoãn xử lý kỷ luật

1. Trừ những trường hợp đương nhiên bị xóa tên theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các trường hợp sau đây phải tạm hoãn xử lý kỷ luật:

a) Đang chờ kết quả giải quyết bằng văn bản có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có cơ sở kết luận đối với hành vi vi phạm;

b) Luật sư đang trong thời gian bị bệnh nặng và phải điều trị có xác nhận của bệnh viện hoặc cơ quan y tế;

c) Nữ luật sư đang trong thời gian mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

d) Do nguyên nhân bất khả kháng mà luật sư bị xem xét kỷ luật không thể có mặt kịp thời để thực hiện các yêu cầu của Ban Chủ nhiệm hoặc Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật.

2. Khi điều kiện tạm hoãn xử lý kỷ luật nêu tại Khoản 1 Điều này không còn thì vụ việc được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 21. Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật

1. Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó luật sư vi phạm không còn bị xem xét, xử lý kỷ luật.

2. Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật được tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm cho đến ngày Đoàn Luật sư phát hiện vi phạm. Trường hợp có nhiều hành vi vi phạm thì thời hiệu được tính từ ngày thực hiện hành vi vi phạm sau cùng. Trường hợp vi phạm liên tục thì thời hiệu được tính từ ngày kết thúc vi phạm.

3. Ngày phát hiện vi phạm là ngày mà Đoàn Luật sư nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc tin báo của người có quyền lợi bị xâm hại. Trường hợp qua công tác quản lý, Đoàn Luật sư tự phát hiện ra vi phạm thì ngày phát hiện vi phạm là ngày Đoàn Luật sư tiếp nhận thông tin và ghi nhận lại sự việc vi phạm.

4. Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật là 03 năm.

Điều 22. Thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hạn xử lý kỷ luật sư là khoảng thời gian tiến hành xem xét xử lý kỷ luật luật sư, được tính từ thời điểm Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật cho đến thời điểm Ban Chủ nhiệm tổ chức cuộc họp quyết định kỷ luật.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật luật sư được quy định như sau:

a) Đối với các vụ việc mà Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật theo Khoản 2 Điều 9 Quy chế này thì thời hạn xử lý kỷ luật không quá 06 tháng. Trường hợp vụ việc phức tạp, cần thêm thời gian giải quyết thì Ban Chủ nhiệm có quyền gia hạn thời hạn xử lý kỷ luật nhưng thời gian một lần gia hạn không được quá 03 tháng và chỉ được gia hạn tối đa là 02 lần. Việc gia hạn phải được lập thành văn bản.

b) Đối với các vụ việc mà Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật theo Điểm d Khoản 5 Điều 16 Quy chế này thì thời hạn xử lý kỷ luật không quá 04 tháng. Trường hợp vụ việc phức tạp, cần thêm thời gian giải quyết thì Ban Chủ nhiệm có quyền gia hạn để xử lý kỷ luật nhưng thời gian một lần gia hạn không được quá 03 tháng và chỉ được gia hạn tối đa 02 lần.

3. Trường hợp quá thời hạn nêu tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này mà Ban Chủ nhiệm chưa họp để quyết định kỷ luật thì phải chấm dứt việc xem xét kỷ luật.

4. Trong trường hợp phải tiến hành lại việc xử lý kỷ luật theo Khoản 2 Điều 25 Quy chế này thì thời hạn xử lý kỷ luật được tính kể từ ngày Đoàn Luật sư nhận được văn bản hủy quyết định kỷ luật. Đoàn Luật sư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Liên đoàn biết về việc thụ lý, giải quyết lại sự việc.

5. Trong trường hợp tạm hoãn xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 20 Quy chế này hoặc do luật sư bị xem xét kỷ luật vắng mặt tại các phiên làm việc dẫn đến thời gian xử lý bị kéo dài thì thời gian tạm hoãn, thời gian kéo dài không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

Điều 23. Giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật, miễn trách nhiệm kỷ luật, tăng nặng trách nhiệm kỷ luật

1. Luật sư bị xem xét kỷ luật có thể được giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật, miễn trách nhiệm kỷ luật hoặc bị tăng nặng trách nhiệm kỷ luật theo các quy định tại Điều này.

2. Giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật là áp dụng hình thức kỷ luật nhẹ hơn so với tính chất, mức độ vi phạm. Việc giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật được áp dụng khi có một trong các tình tiết sau đây:

a) Người vi phạm đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của sự việc vi phạm; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của sự việc vi phạm;

b) Vi phạm nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

c) Vi phạm lần đầu và thừa nhận sai phạm;

d) Người vi phạm tích cực hợp tác với các cơ quan của Đoàn Luật sư trong quá trình xem xét giải quyết sự việc vi phạm;

đ) Người vi phạm có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Đoàn Luật sư, Liên đoàn và đã được khen thưởng bằng hình thức tặng bằng khen trở lên;

e) Các tình tiết giảm nhẹ khác do Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đề xuất và được Ban Chủ nhiệm chấp thuận.

3. Luật sư có hành vi vi phạm ở mức độ tương ứng với hình thức xử lý khiển trách, cảnh cáo nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật quy định tại Khoản 2 Điều này thì có thể được Ban Chủ nhiệm quyết định miễn trách nhiệm kỷ luật.

4. Luật sư bị xem xét kỷ luật có thể chịu hình thức kỷ luật nặng hơn so với tính chất, mức độ vi phạm. Việc tăng nặng trách nhiệm kỷ luật chỉ được áp dụng khi có một trong các tình tiết tặng nặng sau đây:

a) Đã bị xử lý kỷ luật và đang còn trong thời gian chưa được xoá kỷ luật mà tiếp tục vi phạm;

b) Không chấp hành các yêu cầu của Ban Chủ nhiệm hoặc Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật;

c) Cản trở, đối phó, gây khó khăn cho hoạt động xử lý kỷ luật.

Điều 24. Thời hạn xoá kỷ luật luật sư

1. Thời hạn xoá kỷ luật luật sư là khoảng thời gian mà khi hết thời gian đó luật sư bị kỷ luật được xem là chưa vi phạm kỷ luật.

2. Thời hạn xoá kỷ luật được quy định như sau:

a) 06 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực trong trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

b) 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực trong trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo;

c) 18 tháng kể từ ngày hết thời hạn bị tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư trong trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 12 tháng;

d) 24 tháng kể từ ngày hết thời hạn bị tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư trong trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư trên 12 tháng.

Điều 25. Tiến hành lại việc xử lý kỷ luật

1. Luật sư bị kỷ luật nếu không đồng ý với quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư thì được quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật theo quy định của Liên đoàn.

2. Trường hợp Quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư bị hủy để giải quyết lại thì Đoàn Luật sư phải tiến hành lại việc xem xét, xử lý kỷ luật theo trình tự, thủ tục từ ban đầu.

Điều 26. Xử ký kỷ luật oan

1. Xử lý kỷ luật oan là các trường hợp bị Đoàn Luật sư xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức kỷ luật nhưng sau đó Ban Thường vụ Liên đoàn hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xác định không có hành vi vi phạm.

2. Khi xử lý kỷ luật oan theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì Ban Chủ nhiệm phải xin lỗi người bị xử lý kỷ luật oan. Hình thức xin lỗi do Ban Chủ nhiệm quyết định.

Mục 2. ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT LUẬT SƯ

Điều 27. Hình thức kỷ luật

1. Luật sư có hành vi vi phạm thì bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng;

d) Xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư.

2. Luật sư có hành vi vi phạm nhưng tính chất, mức độ vi phạm chưa đến mức bị xử lý kỷ luật thì Ban Chủ nhiệm có thể nhắc nhở bằng văn bản hoặc bằng những biện pháp phù hợp khác mà không nhất thiết phải xem xét xử lý kỷ luật.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà luật sư phải chịu một trong các hình thức kỷ luật, mức kỷ luật theo các quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 Quy chế này. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm căn cứ diễn biến thực tế của hành vi vi phạm để xem xét, đánh giá về mức độ thiệt hại, mức độ ảnh hưởng, tác hại của hành vi vi phạm đối với khách hàng của luật sư, với cá nhân, tổ chức, cộng đồng hoặc danh dự, uy tín của đội ngũ luật sư, nghề luật sư và quyết định biện pháp xử lý, hình thức kỷ luật phù hợp.

4. Trường hợp luật sư vi phạm các quy định của pháp luật hoặc quy định của

Liên đoàn về nghĩa vụ học tập bồi dưỡng bắt buộc, nghĩa vụ đóng phí thành viên hoặc các nghĩa vụ khác mà các quy định đó có quy định hình thức kỷ luật cụ thể thì áp dụng các quy định đó và Quy chế này để xử lý.

Điều 28. Khiển trách

Hình thức kỷ luật "*khiển trách*" được áp dụng đối với luật sư có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ nhẹ, có thiện chí khắc phục vi phạm.

Điều 29. Cảnh cáo

Hình thức kỷ luật "*cảnh cáo*" được áp dụng đối với luật sư có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, đang trong thời gian chưa được xoá kỷ luật mà tiếp tục vi phạm với mức độ có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách.

2. Gây ảnh hưởng xấu đối với uy tín nghề luật sư.

3. Gây thiệt hại không lớn về tài sản đối với khách hàng và chưa khắc phục xong hậu quả.

4. Gây thiệt hại lớn về tài sản đối với khách hàng nhưng đã khắc phục toàn bộ hậu quả trước thời điểm ban hành quyết định kỷ luật.

5. Nhiều lần trong năm không chấp hành việc phân công của tổ chức hành nghề luật sư về bào chữa theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng.

6. Các hành vi vi phạm khác với tính chất, mức độ vi phạm ít nghiêm trọng.

Điều 30. Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng

Hình thức kỷ luật *"tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng"* được áp dụng đối với luật sư có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, đang trong thời gian chưa được xoá kỷ luật mà tiếp tục vi phạm với mức độ có thể áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo.

2. Gây ảnh hưởng rất xấu đối với uy tín nghề luật sư.

3. Gây thiệt hại lớn về tài sản đối với khách hàng nhưng chưa khắc phục xong hậu quả.

4. Gây thiệt hại rất lớn về tài sản đối với khách hàng nhưng đã khắc phục toàn bộ hậu quả.

Điều 31. Xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư

1. Hình thức kỷ luật *"xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư"* được áp dụng khi luật sư vi phạm kỷ luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp mà Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định phải kỷ luật xóa tên;

b) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng nhưng vẫn cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng trong thời gian bị tạm đình chỉ.

2. Vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 40 Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;

b) Lừa dối hoặc lợi dụng sự tin tưởng để chiếm giữ, sử dụng tài sản của khách hàng trái quy định;

c) Gây thiệt hại rất lớn về tài sản của khách hàng mà không khắc phục hậu quả hoặc tuy có khắc phục nhưng hậu quả vẫn còn rất lớn;

d) Gây ảnh hưởng đặc biệt xấu đối với uy tín nghề luật sư;

đ) Câu kết, kích động, gây mất đoàn kết nội bộ trong Đoàn Luật sư, Liên đoàn ở mức độ nghiêm trọng;

e) Cản trở, phá hoại Đại hội luật sư, Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc, hoạt động phát triển của Đoàn Luật sư, Liên đoàn.

Điều 32. Tạm đình chỉ hoạt động hành nghề luật sư trong thời gian bị xem xét kỷ luật

1. Trong quá trình tiến hành xử lý kỷ luật, Ban Chủ nhiệm có quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động hành nghề đối với luật sư bị xem xét kỷ luật nếu thuộc một trong các trường hợp:

a) Luật sư đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Có căn cứ xác định việc hành nghề sẽ gây ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của khách hàng hoặc uy tín đội ngũ luật sư.

Thời hạn tạm đình chỉ do Ban Chủ nhiệm quyết định.

2. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có quyền đề xuất Ban Chủ nhiệm ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động hành nghề đối với luật sư bị xem xét kỷ luật.

3. Trong trường hợp tại thời điểm ban hành quyết định kỷ luật luật sư với hình thức kỷ luật là khiển trách hoặc cảnh cáo mà chưa hết thời hạn tạm đình chỉ thì quyết định tạm đình chỉ hoạt động hành nghề mặc nhiên hết hiệu lực.

Mục 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ

Điều 33. Tiếp nhận việc kỷ luật

1. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật gửi Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, kèm theo các tài liệu có liên quan, nếu có.

2. Ngay sau khi nhận văn bản thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật do Chủ nhiệm Đoàn Luật sư chuyển đến, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải vào sổ thụ lý kỷ luật và tiến hành giải quyết vụ việc.

Điều 34. Xác minh vi phạm

1. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc kỷ luật, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phân công luật sư thành viên của Hội đồng phụ trách việc nghiên cứu, xác minh, thu thập chứng cứ, tham mưu đề xuất hướng giải quyết, dự thảo văn bản của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật để phục vụ cho việc xem xét, xử lý kỷ luật.

2. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc kỷ luật, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải gửi văn bản thông báo cho luật sư bị xem xét kỷ luật biết về việc tiến hành thủ tục xét kỷ luật, tên luật sư được phân công phụ trách vụ việc kỷ luật, đồng thời yêu cầu luật sư bị xem xét kỷ luật tường trình sự việc bằng văn bản.

3. Văn bản thông báo và tất cả các giấy mời làm việc, giấy triệu tập được xem là hợp lệ khi được gửi đến một trong các địa chỉ theo thông tin ghi trong hồ sơ gia nhập hoặc theo địa chỉ mới mà luật sư đã thông tin cho Đoàn Luật sư. Cụ thể là một trong các địa chỉ sau đây:

a) Địa chỉ nơi cư trú hoặc địa chỉ liên lạc của luật sư;

b) Địa chỉ tổ chức hành nghề nơi luật sư đó làm việc;

c) Địa chỉ luật sư đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân;

d) Địa chỉ email liên lạc.

Trường hợp luật sư bị xem xét kỷ luật thay đổi địa chỉ cư trú, địa chỉ liên lạc, địa chỉ làm việc, địa chỉ email mà không thông báo cho Đoàn Luật sư thì việc gửi văn bản vẫn được coi là hợp lệ nếu văn bản được gửi đến một trong các địa chỉ theo thông tin mà luật sư đã đăng ký, cung cấp cho Đoàn Luật sư trước đó.

Ngày được xem nhận được văn bản là sau 05 ngày làm việc kể từ ngày bưu điện đóng dấu gửi đi trong trường hợp gửi chuyển phát nhanh có báo phát qua đường bưu điện; ngày luật sư hoặc nhân viên của nơi luật sư làm việc ký nhận văn bản trong trường hợp gửi trực tiếp; ngày gửi mail từ hộp thư điện tử của Đoàn Luật sư đến địa chỉ email mà luật sư đã cung cấp cho Đoàn Luật sư trước đó.

4. Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật về việc yêu cầu tường trình sự việc, luật sư bị xem xét kỷ luật có nghĩa vụ tường trình sự việc bằng văn bản gửi cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật. Luật sư bị xem xét kỷ luật có quyền đưa ra chứng cứ, lập luận để chứng minh về việc không có hành vi vi phạm hoặc chứng minh mức độ giảm nhẹ trách nhiệm kỷ luật. Trường hợp luật sư không tường trình sự việc đúng thời hạn thì phải chịu hậu quả phát sinh từ việc không tường trình và Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật vẫn tiến hành giải quyết vụ việc theo quy định.

5. Từ ngày thụ lý vụ việc kỷ luật cho đến trước ngày mở phiên họp xét kỷ luật, tùy theo yêu cầu xử lý, luật sư được phân công phụ trách thực hiện các công việc:

a) Triệu tập luật sư bị xem xét kỷ luật, đương sự có liên quan đến trụ sở Đoàn Luật sư để làm rõ những vấn đề liên quan đến đơn khiếu nại, tố cáo hoặc sự việc vi phạm;

b) Xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, củng cố chứng cứ có liên quan đến sự việc vi phạm;

c) Đối chất giữa luật sư bị xem xét kỷ luật với các đương sự có liên quan nếu xét thấy cần thiết;

d) Báo cáo Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật về kết quả xác minh, diễn biến nội dung sự việc đang xem xét, nhận xét, đánh giá, xác định luật sư bị xem xét kỷ luật có hay không có hành vi vi phạm; tính chất, mức độ vi phạm nếu có; đề xuất biện pháp giải quyết hoặc hình thức kỷ luật trong trường hợp xác định có vi phạm kỷ luật.

6. Trường hợp trước khi Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ban hành thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật mà Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đã thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo và đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, yêu cầu luật sư bị khiếu nại, tố cáo làm văn bản tường trình sự việc theo Điều 15 Quy chế này thì được sử dụng kết quả đó phục vụ cho việc xem xét, xử lý kỷ luật mà không phải tiến hành lại việc xác minh vi phạm. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có thể tiến hành xác minh bổ sung nếu xét thấy cần thiết.

Điều 35. Phiên họp xét kỷ luật của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật

1. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tiến hành phiên họp xét kỷ luật luật sư trong thời hạn sau đây:

a) Đối với các vụ việc mà Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ban hành thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật theo Khoản 2 Điều 9 Quy chế này, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tiến hành xác minh vi phạm theo Điều 34 Quy chế này và tổ chức phiên họp xét kỷ luật luật sư trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật.

b) Đối với các vụ việc mà Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ban hành thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật theo Điểm d Khoản 5 Điều 16 Quy chế này, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tiến hành xác minh vi phạm theo Điều 34 Quy chế này và tổ chức phiên họp xét kỷ luật luật sư trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật.

2. Phiên họp xét kỷ luật của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải có ít nhất hai phần ba số thành viên của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tham dự. Trường hợp phiên họp không đủ số thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tham dự thì phải hoãn phiên họp và tổ chức lại phiên họp lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổ chức phiên họp lần thứ nhất.

3. Luật sư bị xem xét kỷ luật phải được triệu tập để tham dự phiên họp. Khi tham dự, luật sư được quyền trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi của mình.

4. Đương sự có thể được triệu tập tham dự phiên họp. Trường hợp đương sự tham dự phiên họp được quyền trình bày ý kiến liên quan đến quyền lợi của mình.

5. Tổ chức hành nghề luật sư của luật sư bị xem xét kỷ luật cử đại diện tham gia phiên họp khi Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có yêu cầu. Trong trường hợp này, người đại diện của tổ chức hành nghề luật sư có quyền đưa ra ý kiến đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết vụ việc.

6. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có thể mời đại diện Ban Chủ nhiệm, đại diện tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Đoàn Luật sư tham dự phiên họp để chứng kiến sự việc.

7. Phiên họp xét kỷ luật được tiến hành khi có đủ thành phần theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này. Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật hoặc một thành viên được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì phiên họp. Các thành viên Hội đồng có thể cử một thành viên trong Hội đồng hoặc chọn một luật sư hoặc nhân viên của Đoàn Luật sư làm thư ký ghi Biên bản cuộc họp.

8. Trường hợp luật sư bị xem xét kỷ luật đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất và có lý do chính đáng thì Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật hoãn phiên họp để triệu tập và tổ chức lại phiên họp xét kỷ luật lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở phiên họp lần thứ nhất. Trường hợp đương sự có liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp thì tùy từng trường hợp, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật quyết định tiếp tục hoặc hoãn phiên họp. Phiên họp xét kỷ luật lần thứ hai được tiến hành kể cả khi luật sư bị xem xét kỷ luật hoặc các đương sự khác vắng mặt. Việc triệu tập luật sư được xem là hợp lệ nếu văn bản triệu tập được gửi cho luật sư theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này.

9. Tại phiên họp, theo sự điều hành của Chủ toạ phiên họp, lần lượt luật sư bị xem xét kỷ luật, các đương sự trình bày ý kiến của mình về vụ việc vi phạm. Các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật được quyền hỏi luật sư bị xem xét kỷ luật, đương sự về những vấn đề có liên quan đến vụ việc vi phạm. Luật sư bị xem xét kỷ luật, đương sự phải trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng. Những người được mời tham dự cuộc họp có quyền đưa ra các ý kiến, đề xuất hướng xử lý đối với vi phạm.

10. Diễn biến phiên họp xét kỷ luật được lập thành Biên bản, có đầy đủ chữ ký của Chủ toạ và các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tham dự phiên họp, chữ ký của luật sư bị xem xét kỷ luật và những người được mời hoặc được triệu tập khác. Trường hợp luật sư bị xem xét kỷ luật hoặc đương sự không đồng ý ký tên vào Biên bản thì cuối Biên bản phải ghi nhận về việc không ký tên vào Biên bản, có sự xác nhận của Chủ toạ và thư ký phiên họp.

11. Các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật họp riêng để thảo luận, đánh giá, kết luận và biểu quyết biện pháp xử lý, hình thức xử lý kỷ luật luật sư. Việc biểu quyết của các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có thể được thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín hoặc công khai theo quyết định của Chủ tọa. Các quyết định của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật được thông qua khi có quá nửa số thành

viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng là quyết định. Việc họp, thảo luận, đánh giá, kết luận và biểu quyết phải lập thành Biên bản riêng, có đầy đủ chữ ký của Chủ toạ và các thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tham dự phiên họp.

Điều 36. Đề xuất hình thức kỷ luật

1. Trong thời hạn không quá 10 ngày sau phiên họp xét kỷ luật, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải có văn bản đề xuất biện pháp xử lý kỷ luật gửi đến Ban Chủ nhiệm. Văn bản đề xuất phải có nội dung tóm tắt sự việc vi phạm, tóm tắt diễn biến quá trình xử lý, đưa ra căn cứ để xử lý, đề xuất biện pháp xử lý cụ thể, hình thức kỷ luật cần được áp dụng.

2. Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải gửi cho Ban Chủ nhiệm toàn bộ hồ sơ kỷ luật gốc bao gồm các tài liệu về vi phạm kỷ luật đã được thu thập, xác minh trong quá trình xem xét kỷ luật; các biên bản làm việc, đối chất, biên bản phiên họp xét kỷ luật và các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ kỷ luật phải có danh mục tài liệu kèm theo.

Điều 37. Cuộc họp quyết định kỷ luật luật sư

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận văn bản đề xuất xử lý kỷ luật của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm tổ chức cuộc họp quyết định kỷ luật luật sư. Trường hợp cần thiết, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có thể quyết định gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp quyết định kỷ luật luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm xem xét và quyết định ban hành một trong các văn bản giải quyết vụ việc kỷ luật sau đây:

a) Quyết định kỷ luật;

b) Quyết định miễn trách nhiệm kỷ luật, trong đó nêu rõ lý do miễn trách nhiệm kỷ luật;

c) Văn bản kết luận không có hành vi vi phạm.

3. Cuộc họp của Ban Chủ nhiệm để xem xét thông qua quyết định kỷ luật luật sư phải có đủ số thành viên Ban Chủ nhiệm tham dự theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Đại diện Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải tham dự cuộc họp này để trình bày quan điểm và đề xuất việc xử lý kỷ luật. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Ban Chủ nhiệm có thể mời luật sư bị xem xét kỷ luật hoặc đương sự liên quan tham dự cuộc họp để trình bày ý kiến.

4. Ban Chủ nhiệm chỉ xem xét, quyết định kỷ luật luật sư về các hành vi vi phạm theo đề nghị của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật. Ban Chủ nhiệm có quyền

quyết định biện pháp xử lý, hình thức kỷ luật khác với biện pháp, hình thức mà Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đã đề nghị và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trường hợp Ban Chủ nhiệm phát hiện luật sư có các vi phạm khác nhưng Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật không xác minh hoặc tuy có xác minh nhưng không đề nghị xử lý thì Ban Chủ nhiệm có quyền yêu cầu Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tiến hành lại việc xác minh, thu thập chứng cứ, xem xét, đề nghị xử lý để bổ sung, làm rõ các vi phạm hoặc quyết định tách các vi phạm đó ra làm vụ việc riêng để tiếp tục xác minh, xử lý sau. Trong trường hợp này, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Ban Chủ nhiệm.

6. Diễn biến cuộc họp xem xét, quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm được lập thành Biên bản. Quyết định về việc xử lý kỷ luật luật sư được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban Chủ nhiệm có mặt tại cuộc họp tán thành. Trong trường hợp biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì vấn đề được quyết định theo ý kiến của bên có phiếu của Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm chủ trì cuộc họp Ban Chủ nhiệm. Biên bản họp phải có chữ ký của tất cả thành viên Ban Chủ nhiệm tham dự cuộc họp.

Điều 38. Ban hành quyết định kỷ luật

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp quyết định kỷ luật, Ban Chủ nhiệm ban hành Quyết định kỷ luật luật sư. Quyết định kỷ luật phải có các nội dung: ngày ra quyết định, nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật, quyền khiếu nại của người bị kỷ luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, Quyết định kỷ luật phải được gửi cho luật sư bị kỷ luật, đương sự và Liên đoàn. Việc gửi quyết định kỷ luật cho luật sư có thể thực hiện bằng hình thức yêu cầu luật sư đến Đoàn Luật sư để trực tiếp nhận quyết định hoặc gửi bảo đảm qua đường bưu điện đến một trong các địa chỉ nêu tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này.

3. Trường hợp luật sư bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn Luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư thì Ban Chủ nhiệm phải thông báo kết quả xử lý kỷ luật đến tổ chức hành nghề nơi luật sư đó làm việc, Sở Tư pháp và các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương.

4. Quyết định kỷ luật có thể được gửi cho các cá nhân, tổ chức khác hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Đoàn Luật sư, Liên đoàn theo quyết định của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.

5. Trường hợp xử lý kỷ luật lại do bị cơ quan có thẩm quyền cấp trên hủy quyết định kỷ luật mà lần kỷ luật trước đã xử lý bằng hình thức xóa tên hoặc tạm đình chỉ tư cách thành viên, nếu lần xử lý lại mà áp dụng hình thức kỷ luật tạm đình chỉ tư cách thành viên thì thời hạn chấp hành hình thức tạm đình chỉ hoặc thời gian chịu kỷ luật xóa tên theo quyết định kỷ luật cũ được trừ vào thời hạn chấp hành của quyết định kỷ luật mới. Quyết định kỷ luật mới phải ghi rõ thời gian được trừ này.

6. Quyết định kỷ luật luật sư có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Luật sư bị kỷ luật có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư trong thời hạn quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 11 Quy chế này.

7. Luật sư khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư vẫn phải thi hành quyết định kỷ luật đó trong thời gian Ban Thường vụ Liên đoàn chưa có quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 39. Quản lý hồ sơ kỷ luật

Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được quản lý, lưu trữ trong hồ sơ hoạt động của Đoàn Luật sư ít nhất 10 năm.

Điều 40. Một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp luật sư bị xem xét kỷ luật là thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư thì thành viên này không có quyền tham gia vào các hoạt động xử lý kỷ luật.

2. Trường hợp luật sư bị xem xét kỷ luật là Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, Chủ tịch Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật thì luật sư này không được tham gia vào các hoạt động xử lý kỷ luật. Các thành viên còn lại của Ban Chủ nhiệm, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật cử ra một thành viên thay mặt Ban Chủ nhiệm, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật điều hành quá trình xử lý kỷ luật.

3. Trường hợp Ban Chủ nhiệm đã ra thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật, yêu cầu Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật tiến hành thụ lý giải quyết vụ việc kỷ luật theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật nhưng Hội đồng không thực hiện yêu cầu, không tiến hành xác minh, không mở phiên họp xét kỷ luật hoặc không gửi báo cáo đề xuất xử lý vi phạm đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Điều 36 Quy chế này thì Ban Chủ nhiệm có quyền tự tổ chức xác minh vi phạm và tổ chức cuộc họp Ban Chủ nhiệm để trực tiếp xem xét, đánh giá, quyết định biện pháp xử lý vi phạm, hình thức kỷ luật.

4. Luật sư bị khởi tố hình sự, luật sư đang có tranh chấp với khách hàng trong vụ án dân sự mà Đoàn Luật sư có đủ căn cứ kết luận về vi phạm kỷ luật thì vẫn tiến

hành xử lý, không phải chờ kết quả giải quyết bằng bản án có hiệu lực của tòa án.

5. Trường hợp "*đương nhiên bị xóa tên*" theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì Ban Chủ nhiệm xem xét và quyết định việc xóa tên, không phải giải quyết theo trình tự, thủ tục xem xét kỷ luật quy định tại Quy chế này.

Chương VI
XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 41. Hình thức kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư

1. Người tập sự hành nghề luật sư vi phạm quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Nội quy Đoàn Luật sư, quy định về tập sự hành nghề luật sư và các quy định khác có liên quan của Liên đoàn, Đoàn Luật sư thì tùy tính chất, mức độ vi phạm sẽ phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề từ 06 tháng đến 12 tháng;

d) Xóa tên khỏi danh sách người tập sự hành nghề của Đoàn Luật sư.

2. Hình thức kỷ luật "*tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề từ 06 tháng đến 12 tháng*" được áp dụng trong trường hợp người tập sự hành nghề luật sư không chấp hành sự phân công, hướng dẫn của luật sư hướng dẫn trong quá trình tập sự.

3. Hình thức kỷ luật "*xóa tên*" áp dụng trong các trường hợp: người tập sự thường xuyên vắng mặt tại tổ chức hành nghề luật sư nơi tập sự, nhận đại diện theo ủy quyền cho khách hàng để tham gia tố tụng; ứng xử thiếu chuẩn mực với khách hàng của tổ chức hành nghề luật sư, xưng danh luật sư hoặc có hành vi cố ý làm cho khách hàng hiểu nhầm mình là luật sư trong thời gian tập sự nhằm trục lợi hoặc có hành vi khác vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức và ứng xử quy định trong Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

4. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư nơi người tập sự hành nghề luật sư đăng ký tập sự có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư theo đề xuất của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật.

Điều 42. Trình tự, thủ tục xử lý, quyết định kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư

1. Trên cơ sở giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, văn bản kiến nghị của luật sư hướng dẫn, của tổ chức hành nghề luật sư hoặc qua hoạt động quản lý của Ban Chủ nhiệm mà phát hiện người tập sự hành nghề luật sư vi phạm các quy định của Luật luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các quy định khác về tập sự hành nghề luật sư, Ban Chủ nhiệm thông báo thụ lý vụ việc kỷ luật và chuyển vụ việc cho Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật thụ lý, xác minh, đề xuất biện pháp xử lý, hình thức xử lý kỷ luật.

2. Trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý, Hội đồng Khen thưởng kỷ luật mở phiên họp xét kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư. Căn cứ kết quả xác minh, tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật báo cáo, đề xuất Ban Chủ nhiệm các biện pháp giải quyết, xử lý như sau:

a) Kết luận người tập sự hành nghề luật sư không vi phạm;

b) Nhắc nhở người tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp vi phạm chưa đến mức xử lý kỷ luật;

c) Xử lý kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư theo một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Khoản 1 Điều 41 Quy chế này.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có thể triệu tập người tập sự hành nghề luật sư hoặc đương sự có liên quan tham dự phiên họp xét kỷ luật. Trường hợp người tập sự hành nghề luật sư hoặc đương sự có liên quan vắng mặt thì Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật vẫn tiến hành phiên họp xét kỷ luật.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp xét kỷ luật người tập sự hành nghề luật sư, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật có văn bản đề xuất xử lý gửi Ban Chủ nhiệm.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất xử lý của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật, Ban Chủ nhiệm tiến hành cuộc họp và quyết định biện pháp xử lý hoặc hình thức kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư. Ban Chủ nhiệm có thể quyết định hình thức kỷ luật nhẹ hơn hoặc nặng hơn hình thức kỷ luật mà Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật đề xuất.

5. Quyết định kỷ luật được gửi cho người tập sự hành nghề luật sư bị kỷ luật, luật sư hướng dẫn, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và Liên đoàn. Quyết định kỷ luật có thể được gửi cho các cá nhân, tổ chức khác hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Đoàn Luật sư, Liên đoàn theo quyết định của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.

6. Quyết định kỷ luật đối với người tập sự hành nghề luật sư có hiệu lực ngay từ thời điểm ban hành. Người tập sự hành nghề luật sư bị kỷ luật có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

7. Khi hết thời gian tập sự hành nghề luật sư mà phát hiện người tập sự hành nghề luật sư có hành vi vi phạm trong thời gian tập sự hành nghề luật sư thì Đoàn Luật sư vẫn phải tiến hành xem xét, xử lý vi phạm kỷ luật.

Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật là 03 năm.

PHẦN THỨ BA
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO; KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT TẠI LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Chương VII
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TẠI LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 43. Phạm vi áp dụng về giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chương VII, Phần thứ ba Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục, cách thức giải quyết đối với khiếu nại, tố cáo tại Liên đoàn.

Điều 44. Xác minh, thu thập chứng cứ, kết luận và kiến nghị hướng giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Sau khi Thường trực Liên đoàn xem xét, phê duyệt đề xuất thụ lý do Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật trình thì vụ việc khiếu nại, tố cáo được chuyển cho Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

2. Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật khi nhận vụ việc thì vào sổ theo dõi công việc của Ủy ban. Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật thực hiện các nhiệm vụ:

a) Tổ chức việc phân công luật sư thành viên của Ủy ban nghiên cứu, xác minh, thu thập chứng cứ;

b) Theo dõi, đôn đốc, giám sát quá trình nghiên cứu, xác minh, thu thập chứng cứ của luật sư phụ trách vụ việc;

c) Duyệt báo cáo kết quả xác minh, đề xuất hướng giải quyết, dự thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo do luật sư phụ trách lập;

d) Trình nội dung kết quả báo cáo xác minh, kết luận và đề xuất hướng giải

quyết khiếu nại, tố cáo cho Ban Thường vụ xem xét, quyết định.

2. Người được giao nhiệm vụ xác minh phải có trách nhiệm: nghiên cứu vụ việc; tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; lập văn bản báo cáo kết quả xác minh, kết luận và đề xuất cách thức giải quyết khiếu nại, tố cáo; dự thảo văn bản giải quyết khiếu nại tố cáo; báo cáo với Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật về nội dung, tiến trình giải quyết công việc.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật phải có văn bản báo cáo Ban Thường vụ Liên đoàn về nội dung khiếu nại, tố cáo, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, đánh giá, kết luận về các nội dung khiếu nại, tố cáo và đề xuất hướng giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc vì lý do chính đáng khác, thời hạn này có thể kéo dài theo quyết định của Thường trực Liên đoàn nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày thụ lý.

Điều 45. Thể thức giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Thường vụ nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày thụ lý. Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc vì lý do chính đáng khác, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 120 ngày kể từ ngày thụ lý. Trong trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Liên đoàn có thể quyết định gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Tại cuộc họp Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, đánh giá, kết luận về các nội dung khiếu nại, tố cáo và đề xuất Ban Thường vụ hướng giải quyết vụ việc. Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc giải quyết khiếu nại, tố cáo bằng hình thức biểu quyết công khai tại cuộc họp.

3. Trong thời gian Ban Thường vụ không họp, trên cơ sở báo cáo, đề xuất giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, Thường trực Liên đoàn có thể quyết định lấy ý kiến của Ban Thường vụ bằng văn bản. Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban Thường vụ tán thành. Việc tán thành phải thể hiện bằng phiếu biểu quyết công khai, có ghi rõ họ tên, có chữ ký của người biểu quyết và được lưu trữ trong hồ sơ khiếu nại, tố cáo.

Điều 46. Thẩm quyền quyết định giải quyết khiếu nại của Ban Thường vụ

1. Khi giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm

Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn có thẩm quyền ra một trong những quyết định sau đây:

a) Giữ nguyên quyết định bị khiếu nại;

b) Hủy quyết định bị khiếu nại;

c) Thay đổi một phần quyết định bị khiếu nại.

2. Khi giải quyết khiếu nại đối với hành vi của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn có quyền:

a) Kết luận hành vi bị khiếu nại là hợp pháp, không vi phạm Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các quy định của Liên đoàn, Đoàn Luật sư và trả lời cho tổ chức, cá nhân có đơn thư khiếu nại;

b) Kết luận hành vi bị khiếu nại là trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam hoặc các quy định của Liên đoàn, Đoàn Luật sư; đồng thời yêu cầu cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm chấm dứt việc vi phạm; yêu cầu khắc phục hậu quả do hành vi đó gây ra; kiến nghị xử lý đối với cá nhân, tổ chức có sai phạm nếu xét thấy cần thiết.

Điều 47. Thẩm quyền quyết định giải quyết tố cáo của Ban Thường vụ

Khi giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các cơ quan của Liên đoàn Luật sư, các luật sư giữ các chức danh trong các cơ quan của Liên đoàn thì Ban Thường vụ Liên đoàn có quyền:

1. Kết luận luật sư bị tố cáo, Ban Chủ nhiệm, các cơ quan của Liên đoàn bị tố cáo không có hành vi vi phạm và trả lời cho cá nhân có đơn tố cáo.

2. Kết luận luật sư, Ban Chủ nhiệm, các cơ quan của Liên đoàn bị tố cáo có hành vi vi phạm, nội dung, mức độ vi phạm; yêu cầu cá nhân, cơ quan vi phạm chấm dứt việc vi phạm; kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cá nhân, cơ quan vi phạm nếu xét thấy cần thiết.

Điều 48. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ hồ sơ

1. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo do Ban Thường vụ Liên đoàn ban hành được lập dưới hình thức "quyết định" hoặc "công văn", được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, các ủy viên Ban Thường vụ, Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật và người có quyền, lợi ích liên quan.

2. Trong trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo do cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển đến thì tuỳ từng trường hợp, Liên đoàn có văn bản báo cáo hoặc

thông báo kết quả giải quyết cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đó.

3. Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và hồ sơ từng vụ việc được lưu trữ, bảo quản tại Văn phòng Liên đoàn.

Chương VIII
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT LUẬT SƯ, NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 49. Phạm vi áp dụng giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật luật sư, quyết định kỷ luật người tập sự hành nghề luật sư

Chương VIII, Phần thứ ba Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, cách thức giải quyết khiếu nại của Liên đoàn đối với quyết định kỷ luật luật sư, quyết định kỷ luật người tập sự hành nghề luật sư.

Điều 50. Xác minh, thu thập chứng cứ, kết luận và đề xuất giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật

1. Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật phân công một hoặc một số luật sư thành viên của Ủy ban phụ trách nghiên cứu, xác minh, thu thập chứng cứ, đánh giá vi phạm và tham mưu cho Chủ nhiệm Ủy ban về phương hướng giải quyết vụ việc khiếu nại quyết định kỷ luật. Trường hợp phân công nhiều luật sư thì phải xác định một luật sư phụ trách chính.

2. Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát luật sư phụ trách vụ việc khiếu nại quyết định kỷ luật trong quá trình nghiên cứu, xác minh, thu thập chứng cứ, lập báo cáo, kết luận và đề xuất nội dung giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật.

3. Luật sư phụ trách chính vụ việc phải có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ một cách thận trọng;

b) Báo cáo kết quả xác minh, đánh giá nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết khiếu nại cho Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật xem xét, cho ý kiến;

c) Giúp Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật soạn thảo văn bản của Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật trình ra Ban Thường vụ để báo cáo kết quả xác minh, đánh giá, kết luận vi phạm và đề xuất hướng giải quyết khiếu nại; dự thảo quyết định giải

quyết khiếu nại.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật phải có văn bản báo cáo Ban Thường vụ về kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, đánh giá, kết luận về nội dung khiếu nại và tham mưu, đề xuất nội dung giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật. Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc vì lý do chính đáng khác, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 120 ngày kể từ ngày thụ lý.

Điều 51. Thể thức giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật

1. Ban Thường vụ họp và xem xét, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày thụ lý. Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc vì lý do chính đáng khác, thời hạn này có thể kéo nhưng không quá 150 ngày kể từ ngày thụ lý. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Liên đoàn có thể quyết định gia hạn thêm thời gian giải quyết khiếu nại.

2. Ban Thường vụ tiến hành cuộc họp giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật theo trình tự, thủ tục họp Ban Thường vụ quy định tại Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

3. Tại cuộc họp, Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật có trách nhiệm báo cáo nội dung khiếu nại, kết quả quá trình điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, đánh giá nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết khiếu nại. Chủ nhiệm Ủy ban có thể trực tiếp hoặc phân công một Phó Chủ nhiệm thay mặt Chủ nhiệm trình bày báo cáo và đề xuất với Ban Thường vụ.

4. Nội dung diễn biến cuộc họp giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật được ghi vào Biên bản cuộc họp Ban Thường vụ. Tóm tắt kết quả giải quyết khiếu nại được ghi vào Nghị quyết cuộc họp.

5. Đối với các trường hợp sau đây, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Chủ nhiệm Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, Thường trực Liên đoàn có thể tiến hành lấy ý kiến của Ban Thường vụ bằng văn bản:

a) Luật sư khiếu nại đối với quyết định kỷ luật có hình thức xử lý là khiển trách hoặc cảnh cáo mà không có đương sự khiếu nại yêu cầu tăng nặng;

b) Người tập sự hành nghề luật sư khiếu nại quyết định kỷ luật.

Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số thành viên Ban Thường vụ tán thành. Việc tán thành phải thể hiện bằng phiếu biểu quyết công khai, có ghi rõ họ tên, có chữ ký của người biểu quyết và được lưu trữ trong hồ sơ khiếu nại quyết định kỷ luật.

6. Các trường hợp khiếu nại quyết định kỷ luật không thuộc quy định tại Khoản 5 Điều này thì phải xem xét, giải quyết trực tiếp tại cuộc họp Ban Thường vụ.

Điều 52. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật, lưu trữ hồ sơ khiếu nại

1. Khi giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban Chủ nhiệm, Ban Thường vụ Liên đoàn có thẩm quyền ra một trong những quyết định sau đây:

a) Giữ nguyên quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư nếu xét thấy việc xử lý kỷ luật tuân thủ đúng trình tự, thủ tục; nội dung xử lý tương xứng tính chất, mức độ vi phạm;

b) Sửa quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư, quyết định áp dụng hình thức kỷ luật nhẹ hơn nếu xét thấy việc áp dụng hình thức kỷ luật của Đoàn Luật sư là nặng so với tính chất, mức độ vi phạm;

c) Sửa quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư, quyết định áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn trong trường hợp có khiếu nại yêu cầu tăng nặng của đương sự, đồng thời xét thấy việc áp dụng hình thức kỷ luật của Đoàn Luật sư là nhẹ hơn so với tính chất, mức độ vi phạm;

d) Hủy quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư và yêu cầu Đoàn Luật sư xem xét, giải quyết lại trong trường hợp Ban Chủ nhiệm, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm không đầy đủ hoặc vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục xem xét, xử lý kỷ luật dẫn đến xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người bị xử lý kỷ luật;

đ) Hủy quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư và đình chỉ việc xử lý kỷ luật trong trường hợp xét thấy luật sư, người tập sự hành nghề luật sư không có hành vi vi phạm;

e) Hủy quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư trong trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Luật sư, Liên đoàn.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật được Ban Thường vụ ban hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Ban Thường vụ. Quyết định xử lý kỷ luật phải có phần đánh giá về hành vi vi phạm, nhận xét nội dung khiếu nại, đồng thời nêu rõ phần nội dung quyết định theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Ban Thường vụ sửa quyết định kỷ luật, thay đổi hình thức "xóa tên" bằng hình thức kỷ luật nhẹ hơn là "tạm đình chỉ tư cách thành viên có thời hạn"

thì thời gian chấp hành hình thức kỷ luật xóa tên được tính trừ vào thời gian chấp hành kỷ luật và được nêu rõ trong quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật được gửi cho người khiếu nại, Đoàn Luật sư địa phương, các ủy viên Ban Thường vụ, Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật, đương sự có liên quan, đồng thời gửi cho Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp địa phương. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật có thể gửi cho các cơ quan khác theo quyết định của Chủ tịch Liên đoàn.

Quyết định được gửi cho người khiếu nại theo địa chỉ mà người đó cung cấp khi gửi đơn khiếu nại đến Liên đoàn hoặc theo một trong các địa chỉ nêu tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này.

5. Đối với trường hợp giữ nguyên quyết định kỷ luật với hình thức kỷ luật "xóa tên" hoặc trường hợp sửa quyết định kỷ luật của Đoàn Luật sư và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn là "xóa tên" thì Liên đoàn quyết định thu hồi thẻ luật sư, đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư đối với luật sư vi phạm.

6. Quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật và hồ sơ vụ việc khiếu nại phải được lưu trữ, bảo quản tại Văn phòng Liên đoàn trong thời hạn 10 năm.

PHẦN THỨ TƯ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ KỶ LUẬT; CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chương IX
QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ KỶ LUẬT; CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 53. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Ban Thường vụ Liên đoàn thống nhất quản lý về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật trên phạm vi cả nước.

2. Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật là cơ quan giúp Ban Thường vụ Liên đoàn, Chủ tịch Liên đoàn trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật; tổng hợp tình hình giải quyết, xử lý; lập kế hoạch, chương trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế.

3. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư địa phương thực hiện quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật trong phạm vi thẩm quyền của Đoàn Luật sư;

Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật giúp Ban Chủ nhiệm thực hiện quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật.

Điều 54. Chế độ báo cáo, lưu trữ thông tin tài liệu

1. Đối với Đoàn Luật sư: Hàng năm, Đoàn Luật sư tổng hợp thông tin số liệu, tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật để đưa vào nội dung báo cáo tổ chức, hoạt động hàng năm của Đoàn Luật sư và gửi cho Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

2. Theo định kỳ hàng năm, Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật có trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật để báo cáo với Thường trực Liên đoàn, Ban Thường vụ và Hội đồng Luật sư toàn quốc.

3. Hồ sơ thụ lý, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật phải được lưu trữ, bảo quản tại Văn phòng Đoàn Luật sư, Liên đoàn. Người được giao nhiệm vụ lưu trữ, bảo quản hồ sơ không được phát tán, công bố hồ sơ. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư, Chủ tịch Liên đoàn là người có quyền quyết định việc cung cấp thông tin, tài liệu trong hồ sơ cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 55. Khen thưởng, kỷ luật trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm sẽ được xét khen thưởng theo quy định về khen thưởng của Liên đoàn.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị nhắc nhở, phê bình hoặc bị xử lý về trách nhiệm theo quy định của Liên đoàn.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật của Đoàn Luật sư, Liên đoàn đã được thụ lý trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực, đang còn trong quá trình giải quyết thì cơ quan xử lý tiếp tục áp dụng trình tự, thủ tục của Quy định về xử lý kỷ luật luật sư ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-BTV ngày 05/10/2012 của Ban Thường vụ, Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 93/QĐ-HĐLSTQ ngày 24/05/2010 của Hội đồng Luật sư toàn quốc để giải quyết.

2. Đối với các trường hợp thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật kể

từ thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì áp dụng trình tự, thủ tục giải quyết theo Quy chế này.

3. Thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật được xem xét, giải quyết như sau:

a) Trường hợp hành vi vi phạm xảy ra trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật là 02 năm;

b) Trường hợp hành vi vi phạm xảy ra từ thời điểm Quy chế này có hiệu lực trở về sau thì thời hiệu chịu trách nhiệm kỷ luật áp dụng theo Quy chế này.

4. Các quy định của Quy chế này nếu có lợi hơn cho người bị khiếu nại, người bị tố cáo, người bị xem xét kỷ luật, người bị xử lý kỷ luật thì được áp dụng để giải quyết đối với hành vi, sự việc xảy ra trước ngày Quy chế có hiệu lực.

5. Các vấn đề vướng mắc, phát sinh liên quan đến việc áp dụng Quy chế này trong thời gian chuyển tiếp do Ban Thường vụ Liên đoàn hướng dẫn, giải quyết.

Điều 57. Tổ chức thực hiện

Ban Thường vụ Liên đoàn có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật phối hợp với Văn phòng Liên đoàn và các Đoàn Luật sư địa phương triển khai phổ biến nội dung và thực hiện các biện pháp cần thiết để áp dụng, thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có phát sinh vướng mắc thì Ủy ban Khen thưởng, kỷ luật tổng hợp, báo cáo kịp thời cho Ban Thường vụ Liên đoàn để hướng dẫn thực hiện.

Điều 58. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có 04 phần, gồm 10 chương, 58 điều, đã được Hội đồng Luật sư toàn quốc (Nhiệm kỳ II) biểu quyết thông qua tại Phiên họp thứ VIII ngày 22/12/2018 tại TP. Hà Nội.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 01/01/2020./.**